TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1411/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng N (vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: A ấp T1, xã T2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, đường F, ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn T (có mặt)

Địa chỉ thường trú: G ấp T3, xã T4, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà N và Ông Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/1999 tại UBND xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng bà N, ông T chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 7/2022, bà N về nhà mẹ ruột ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai

vợ chồng bà không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Bà N và Ông Nguyễn Tấn T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L (sinh ngày 03/12/1999). Con chung đã trưởng thành, nên bà N không có yêu cầu gì đối với con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn Ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông T và bà N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/1999 tại UBND xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2022, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bà N không tin tưởng ông T, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn qua lại với nhau, mạnh ai nấy sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L (sinh ngày 03/12/1999). Con chung đã trưởng thành, nên ông T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn tại thời điểm thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 03/8/1999 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Căn cứ lời khai của các đương sự thì đủ cơ sở xác định trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà N, ông T có phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại, bà N, ông T đã sống ly thân được một thời gian và vợ chồng không còn qua lại, mạnh ai nấy sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà N và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nhung và ông T.

[6] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L (sinh ngày 03/12/1999). Con chung đã trưởng thành, bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà N và ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà N chịu nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L (sinh ngày 03/12/1999). Con chung đã trưởng thành, bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2022/0015168 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Thới Tam Thôn, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam